

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HC-PT
Ngày: 18/8/2025
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1291/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 398/2024/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 522/2025/QĐPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số D Đường G ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là Đường G ấp G, Xã A, Thành phố Hồ Chí Minh), (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Cao Ngọc S, sinh năm 1989. Địa chỉ: B Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là B Hồ V, Phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Là đại diện theo ủy quyền, (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 027598 quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2022), (có mặt).

- Ông Đoàn Văn X, sinh năm 1963. Địa chỉ: D Đ, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 420A Đỗ Đăng T1, ấp B, Xã A, Thành phố Hồ Chí Minh). Là đại diện theo ủy quyền, (Hợp đồng ủy quyền ngày 06/6/2024), (vắng mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là H L, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố H:

- Ông Trần Duy V – Phó Trưởng phòng Quản lý đất, Sở T2, (xin vắng mặt).

- Bà Lê Thị Phương N – Chuyên viên Phòng Quản lý đất, Sở T2, (có mặt).

2.2 Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: A đường T, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A: Ông Phạm Hoàng H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A; Là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 05/GUQ-UBND ngày 15/8/2025, (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A:

- Ông Ngô Văn P – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã A, (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N1 – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã A, (có mặt).

Người kháng cáo: Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, người khởi kiện bà Phan Thị T trình bày:

Bà Phan Thị T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 119QSDĐ/CQTK ngày 10/6/2004 với diện tích 6.667m² (654m² đất màu, 6013m² đất vườn) thuộc thửa 650-3, 646, 647, 648 tờ bản đồ số 6 xã P huyện C.

Ngày 11/6/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2706/QĐ-UB về thu hồi và tạm giao đất cho Thảo Cẩm V1 Sài Gòn để bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng tại xã A và xã P huyện C.

Ngày 30/6/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3263/QĐ-UB về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại dự án Thảo Cầm Viên S.

Ngày 10/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ban hành Quyết định số 1627/QĐ-UBND về việc thu hồi 6.667m² đất thuộc thửa 650-3, 646, 647, 648 tờ bản đồ số 6 và thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 119QSĐĐ/CQTK ngày 10/6/2004 của bà Phan Thị T.

Ngày 20/12/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ban hành Quyết định số 1828/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà T, tổng số tiền là 502.025.000 đồng. Cụ thể:

Đất nông nghiệp 6667m² x 75.000đ/m² = 500.025.000 đồng

Đền bù khác: 2.000.000 đồng.

Ngày 18/5/2007, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng trao quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 và Quyết định số 1828/QĐ-UBND cho bà T.

Không đồng ý với Quyết định số 1828/QĐ-UBND, ngày 06/6/2007 bà T đã khiếu nại đề nghị giá bồi thường là 1.500.000 đồng/m², bồi thường 600 cây cao su đã trồng trên đất bị thu hồi.

Ngày 10/10/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ban hành Quyết định số 4735/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị T với nội dung: “Công nhận Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm Viên mới tại xã A và xã P cho bà Phan Thị T là đúng pháp luật. Bác nội dung đơn khiếu nại của bà Phan Thị T. Hỗ trợ bổ sung 4.000.000 đồng phần khen thưởng cho hộ bà Phan Thị T”.

Ngày 08/11/2007, bà Phan Thị T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, yêu cầu hủy Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2009 ngày 19/02/2009, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã quyết định: Bác yêu cầu của bà Phan Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 và Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Công nhận Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 và Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

Ngày 04/3/2009, bà Phan Thị T có đơn kháng cáo.

Bản án hành chính phúc thẩm số 1378/2009/HCTP ngày 04/8/2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Bác yêu cầu của bà Phan Thị T, xin hủy Quyết định hành chính số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/4/2011, Tòa án nhân dân Tối cao có Quyết định Giám đốc thẩm số 03/2011/HC-GĐT quyết định hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2009/HCST ngày 19/2/2009 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi và Bản án hành chính phúc thẩm số 1378/2009/HCPT ngày 04/8/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử lại.

Ngày 06/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 940/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND.

Ngày 30/10/2020, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6011/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P, huyện C, đối với bà Phan Thị T với với giá trị bồi thường hỗ trợ là 491.215.000 đồng gồm Đất vườn $6.013\text{m}^2 \times 75.000\text{đ}/\text{m}^2 = 450.215.000$ đồng, đất màu: $65\text{m}^2 \times 60.000\text{đ}/\text{m}^2 = 39.240.000$ đồng. Đền bù khác: 1.000.000 đồng; Tiền hỗ trợ lãi suất ngân hàng, và tiền chậm chi trả tính đến ngày 16/11/2020 với số tiền là 1.670.135.774 đồng.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc đính chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND; Quyết định số 6011/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 12/5/2023, Người khởi kiện có yêu cầu sửa đổi bổ sung khởi kiện: hủy Quyết định số 2706/QĐ-UB ngày 11/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi đất (kèm bản vẽ sơ đồ 1/4000 về các thửa đất bị ảnh hưởng của dự án).

Ngày 23/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi có Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 04/2023/QĐST-HC về việc chuyển hồ sơ vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo nội dung Bản tường trình ngày 02/02/2024, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P, huyện C, bà Phan Thị T bị ảnh hưởng diện tích 6.667m^2 thuộc thửa 650-3, 646, 647, 648 tờ bản đồ số 6 (Theo tài liệu 02/CT), bộ địa chính xã P. Trong đó: Phần diện tích $6.013\text{m}^2/6.667\text{m}^2$ (Thửa đất số 650-3) loại đất vườn (nằm ngoài khu dân cư); phần diện tích $654\text{m}^2/6.667\text{m}^2$ (thửa đất số 646, 647, 648) loại đất màu, toàn bộ phần diện tích trên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 119/QSĐĐ ngày 10/6/2004 cho bà T.

Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1828/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P huyện C cho bà Phan Thị T với tổng số tiền là 502.025.000 đồng, gồm:

- Đất nông nghiệp: $6.667\text{m}^2 \times 75.000 \text{ đồng/m}^2 = 500.025.00 \text{ đồng}$.
- Khen thưởng: 1.000.000 đồng
- Hỗ trợ chuyển đổi nông nghiệp: 1.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện C tính áp giá và ban hành Quyết định bồi thường với giá 75.000đ/m² (đất vườn, trên phần đất này bà T không có cất nhà ở) là đúng theo quy định tại điểm b, Phần V về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất nông nghiệp của Phương án giá số 99/PA-GBT.

Không đồng ý với Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, bà Phan Thị T khiếu nại đề nghị nâng giá bồi thường về đất và bồi thường hỗ trợ, bổ sung 600 cây cao su.

Ngày 10 tháng 10 năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4735/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phan Thị T, hiện cư trú tại ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: *“Công nhận Quyết định bồi thường số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P cho bà Phan Thị T là đúng pháp luật. Bác nội dung đơn khiếu nại của bà Phan Thị T. Hỗ trợ bổ sung 4.000.000 đồng phần khen thưởng cho bà Phan Thị T.”*

Quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã ban hành theo hình thức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M người bị khiếu kiện về thẩm quyền ban hành văn bản thì được thực hiện đúng chính về hình thức trình bày theo quy định tại khoản 7, Điều 1, Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 về công tác văn thư”.

Căn cứ quy định nêu trên, ngày 06 tháng 02 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 940/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P, huyện C đối với bà Phan Thị T có nội dung đính chính thẩm quyền ký, bổ sung thêm căn cứ pháp lý và hủy bỏ một phần căn cứ pháp lý là đúng theo quy định pháp luật.

Căn cứ Kết luận số 2112/KL-TTCTP ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thanh tra Chính phủ về thanh tra toàn diện dự án Thảo Cầm V1 mới tại huyện C, có nội dung: *“Theo quy định loại đất màu, lúa màu với đơn giá 60.000 đồng/m². Nhưng trước đây, Ủy ban nhân dân huyện C đã áp giá toàn bộ phần diện tích 6.667m² cho bà Phan Thị T với giá 75.000 đồng/m² (Quyết định bồi thường 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006) là chưa chính xác. Do đó, ngày 30 tháng 10 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6011/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P huyện C, đối với bà Phan Thị T với tổng*

số tiền là 491.215.000 đồng (do điều chỉnh giảm tiền bồi thường về đất đối với phần diện tích 654m² từ đất vườn thành đất màu cho phù hợp với loại đất theo Giấy chứng nhận số quyền sử dụng đất số 119/QSDĐ ngày 10/6/2004 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà T).

Do Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định trên đúng quy định pháp luật. Nên quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa:

Đại diện người khởi kiện trình bày: Người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu khởi kiện đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Và xác định việc không hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T do hộ bà T có vị trí tiếp giáp mặt tiền đường nhưng không thuộc các tuyến đường được nêu trong Phương án giá số 99/PA-GBT về việc bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P, huyện C đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 30/6/2004.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 398/2024/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 79, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 165, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 69 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 39 Luật đất đai 2003;

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Phan Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2706/QĐ-UB ngày 11/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi đất (kèm bản vẽ sơ đồ 1/4000 về các thửa đất bị ảnh hưởng của dự án).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, hủy các quyết định gồm:

Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm Viên mới tại xã A và xã P huyện C, đối với bà Phan Thị T; Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc đình chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số 6011/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm Viên mới tại xã A và xã P huyện C, đối với bà Phan Thị T.

Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phần diện tích đất bị thu hồi thuộc dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm Viên mới tại xã A và xã P huyện C đối với bà Phan Thị T theo quy định của pháp luật (hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A), ông Ngô Văn P và bà Nguyễn Thị Cẩm N1 trình bày: Đối với yêu cầu bồi thường hỗ trợ 20% của người khởi kiện là không đúng quy định pháp luật. Căn cứ Kết luận thanh tra số 3112 của Thanh tra Chính phủ, Hội đồng thành phố đã chỉ ra cụ thể các tuyến đường được bổ sung bồi thường, hỗ trợ. Nếu áp dụng tương tự đối với hộ bà T thì không phù hợp, thực tế không thể áp dụng tương tự. Người bị kiện đã có các văn bản xin ý kiến và nhận chỉ đạo ý kiến trước khi thực hiện. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Cao Ngọc S trình bày: Về phương án bồi thường đáng lẽ từ năm 2004 - 2005 ủy ban phải tiến hành bồi thường theo đúng quy định. Việc tính tiền bồi thường như hiện nay là không đúng. Kết luận thanh tra đã nêu rõ, đối chiếu có thể thấy các hộ dân thực tế đã bị thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A), trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A) trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt; Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết

Ngày 11/6/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2706/QĐ-UB về thu hồi và tạm giao đất cho Thảo Cẩm Viên Sài G. Ngày 30/6/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3263/QĐ-UB về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại Dự án Thảo Cẩm Viên S.

Ngày 10/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1627/QĐ-UBND về việc thu hồi 6.667m² đất thuộc thửa 650-3, 646, 647, 648 tờ bản đồ số 6 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 119QSDĐ/CQTK ngày 10/6/2004 cấp cho bà Phan Thị T.

Ngày 20/12/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1828/QĐ-UBND về việc bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà T với tổng số tiền là 502.025.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 1828/QĐ-UBND, ngày 06/6/2007, bà T khiếu nại đề nghị giá bồi thường là 1.500.000 đồng/m², bồi thường 600 cây cao su đã trồng trên đất bị thu hồi.

Ngày 10/10/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4735/QĐ-UBND giải quyết bác khiếu nại của bà T.

Ngày 08/11/2007, bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 và Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2009 ngày 19/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi và Bản án hành chính phúc thẩm số 1378/2009/HCPT ngày 04/8/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Ngày 08/4/2011, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định giám đốc thẩm số 03/2011/HC-GĐT, hủy bản án hành chính sơ thẩm và bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử lại.

Ngày 06/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 940/QĐ-UBND về việc đình chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006.

Ngày 30/10/2020, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6011/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm Viên S mới tại xã A và xã P, huyện C, đối với bà Phan Thị T số tiền là 491.215.000 đồng; Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả tính đến ngày 16/11/2020 với số tiền là 1.670.135.774 đồng.

Ngày 12/5/2023, bà Phan Thị T có yêu cầu sửa đổi bổ sung khởi kiện hủy: Quyết định số 2706/QĐ-UB ngày 11/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi đất (kèm bản vẽ sơ đồ 1/4000 về các thửa đất bị ảnh hưởng của dự án); Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/12/2015 về việc đình chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND; Quyết định số 6011/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 về bồi thường, hỗ trợ cho bà T.

Ngày 23/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi có Quyết định số 04/2023/QĐST-HC về việc chuyển hồ sơ vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T đối với Quyết định số 2706/QĐ-UB ngày 11/6/2004 về việc thu hồi đất. Quyết định số 2706/QĐ-UB nêu trên là quyết định thu hồi tổng diện tích 485,35ha đất tại xã P và xã A, huyện C, không có danh sách đình kèm đối với từng hộ bị ảnh hưởng. Tại Điều 2, Điều 3 của

Quyết định, Ủy ban nhân dân Thành phố H phân công nhiệm vụ cho các cơ quan ban ngành để thực hiện việc thu hồi đất trên. Do đó, quyết định trên không phải là quyết định hành chính cá biệt được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể nên không phải là quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại của bà T là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với việc hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T:

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 03/2011/HC-GĐT ngày 08/4/2011 của Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định: “...*tại Báo cáo số 84/BC-TTr ngày 25/9/2007 của Thanh tra huyện C diện tích đất bị thu hồi của hộ bà T có vị trí tiếp giáp mặt tiền đường đất có chiều rộng khoảng 4m. Theo Thông báo số 199/TB-VP ngày 17/7/2007 của Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện C thống nhất về mức hỗ trợ mặt tiền đường đối với các loại đất nông nghiệp trong dự án Thảo Cầm Viên là Nếu đất có tiếp giáp mặt tiền đường đất mà xe bò, xe cải tiến vận chuyển được thì được cộng thêm 20% đơn giá. Như vậy, đất bị thu hồi của hộ bà T phải được hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá, nhưng Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh không hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T là không đúng.*”

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật tố tụng hành chính thì: “*Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh...b) những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1828/QĐ-UBND và Quyết định số 6011/QĐ-UBND nhưng không hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T là không đúng với Thông báo số 199/TB-VP ngày 17/7/2007 của Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện C thống nhất về mức hỗ trợ mặt tiền đường đối với các loại đất nông nghiệp trong dự án T.

Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 03/2011/HC-GĐT ngày 08/4/2011 của Tòa án nhân dân tối cao nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6011/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm Viên S

mới tại xã A và xã P, huyện C nhưng vẫn không thực hiện hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T theo quy định.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, hủy các quyết định hành chính bị kiện, là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A); giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A) phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A và Ủy ban nhân dân xã A); Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Phan Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2706/QĐ-UB ngày 11/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc thu hồi đất (kèm bản vẽ sơ đồ 1/4000 về các thửa đất bị ảnh hưởng của dự án).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T, hủy các quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P huyện C đối với bà Phan Thị T;

- Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Phan Thị T;

- Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc đính chính Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Quyết định số 6011/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P huyện C đối với bà Phan

Thị T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại phần diện tích đất bị thu hồi thuộc dự án đầu tư xây dựng Thảo Cầm V1 mới tại xã A và xã P huyện C đối cho bà Phan Thị T theo đúng quy định của pháp luật (hỗ trợ cộng thêm 20% đơn giá cho bà T).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu số 041539 ngày 17/10/2024 và số 041540 ngày 17/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- THADS TP Hồ Chí Minh (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (3);
- Lưu hồ sơ (2), VP (6), 17b - LMA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh